



PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-K757/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Không khí xung quanh;
- Kí hiệu mẫu: KKVL1
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn- Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí lấy mẫu: Tại trạm nghiền sàng 1
 - Tọa độ: X:2270849 Y:590814
- Ngày lấy mẫu: 11/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/Dải đo	Kết quả	QCVN
1	Độ ẩm ^(f)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95	67,3	-
2	Tiếng ồn ^(f)	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	68	70 ⁽¹⁾
3	Tổng bụi lơ lửng(TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	30	275,84	300 ⁽²⁾
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	<45	350 ⁽²⁾
5	CO	µg/m ³	GS.EST/L-SOP-K.04	4.000	<4.000	30.000 ⁽²⁾
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	27	60,8	200 ⁽²⁾

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Người lập

Doãn Thị Quỳnh Chi

Soát xét

Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; GS.EST/L-SOP-K: Phương pháp nội bộ
 - QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định trong QCVN;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (2): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);
5. Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.



VIMCERTS 240

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ GIANG SƠN

Địa chỉ: tầng 3, số nhà 478, phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Tel: 024 3220 2170; Fax: 024 3652 3158; Website: vimcerts240.com

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-K758/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Không khí xung quanh;
- Kí hiệu mẫu: KKVL2
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn - Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí lấy mẫu: Trạm nghiên sàng 2
 - Tọa độ: X:2271229 Y:590792
- Ngày lấy mẫu: 11/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/Dải đo	Kết quả	QCVN
1	Độ ẩm ^(f)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95	69,8	-
2	Tiếng ồn ^(f)	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	67,5	70 ⁽¹⁾
3	Tổng bụi lơ lửng(TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	30	247,92	300 ⁽²⁾
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	<45	350 ⁽²⁾
5	CO	µg/m ³	GS.EST/L-SOP-K.04	4.000	<4.000	30.000 ⁽²⁾
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	27	71,7	200 ⁽²⁾

Người lập

Doãn Thị Quỳnh Lhi

Soát xét

Hoàng Thị Thảo

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Lãnh đạo Công ty

**GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT**

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; GS.EST/L-SOP-K: Phương pháp nội bộ
 - QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định trong QCVN;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (2): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);
- Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.



PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-K759/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Không khí xung quanh;
- Kí hiệu mẫu: KKVL3
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn - Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí lấy mẫu: Đường vận chuyển sản phẩm;
 - Tọa độ: X: 2270854 Y: 590769;
- Ngày lấy mẫu: 11/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/Dải đo	Kết quả	QCVN
1	Độ ẩm ^(f)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95	60,8	-
2	Tiếng ồn ^(f)	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	65,3	70 ⁽¹⁾
3	Tổng bụi lơ lửng(TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	30	245,55	300 ⁽²⁾
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	57,7	350 ⁽²⁾
5	CO	µg/m ³	GS.EST/L-SOP-K.04	4.000	<4.000	30.000 ⁽²⁾
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	27	89,2	200 ⁽²⁾

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Người lập

Doãn Thị Quỳnh Chi

Soát xét

Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; GS.EST/L-SOP-K: Phương pháp nội bộ
 - QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định trong QCVN;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (2): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);
5. Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.



PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-K760/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Không khí xung quanh;
- Kí hiệu mẫu: KKVL4
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn - Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí lấy mẫu: Khu vực công vào khu nhà điều hành;
 - Tọa độ: X: 2270851 Y: 590736;
- Ngày lấy mẫu: 11/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/Dải đo	Kết quả	QCVN
1	Độ ẩm ^(f)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95	69,1	-
2	Tiếng ồn ^(f)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	65	70 ⁽¹⁾
3	Tổng bụi lơ lửng(TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	30	237,34	300 ⁽²⁾
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	45	56,3	350 ⁽²⁾
5	CO	µg/m ³	GS.EST/L-SOP-K.04	4.000	<4.000	30.000 ⁽²⁾
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	27	110,8	200 ⁽²⁾

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Người lập

Doãn Thị Quỳnh Chi

Soát xét

Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; GS.EST/L-SOP-K: Phương pháp nội bộ
 - QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định trong QCVN;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (2): QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (3): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);
5. Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-N95/KQ-GS.ES.T

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SON**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt
- Kí hiệu mẫu: NTSH-VL
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn- Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí lấy mẫu: Tại hồ gas sau hệ thống xử lý (trước khi thải ra môi trường tiếp nhận);
 - Tọa độ: X: 2270863 Y: 590727
- Ngày lấy mẫu: 14/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/ Đai đo	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1	pH ^(f)	-	TCVN 6492 :2011	2 ÷ 12	8,12	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(f)	mg/L	SMEWW 2540.C:2017	0 ÷ 1.999	367	1.000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540.D:2017	15	17	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	SMEWW 5210.B:2017	3	22	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,09	0,173	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	EPA Method 352.1	0,27	0,79	50
7	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,024	0,027	10
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,09	0,095	4
9	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520.B:2017	0,9	<0,9	-
10	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B&E:2017	2	1.900	5.000

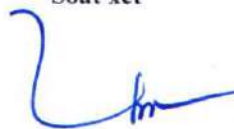
Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Người lập



Doãn Thị Quỳnh Chi

Soát xét



Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
 - TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - EPA: United States Environmental Protection Agency;
 - SMEWW: Standard Methods for Examination of Water and Wastewater;
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định;
 - Dấu (*): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Phòng giải pháp công nghệ cải thiện môi trường - Viện Công nghệ môi trường (Vimcerts 079), các kết quả sử dụng nhà thầu phụ trả theo giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL);
 - QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B;
- Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là <LOQ.



VICERTS 240

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ GIANG SƠN

Địa chỉ: tầng 3, số nhà 478, phố Minh Khai, P. Vinh Tuy, Q. Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 3220 2170; Fax: 024 3652 3158; Website: vicerts240.com



VILAS 1257

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2023T09-N96/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Loại mẫu: Nước mặt
- Kí hiệu mẫu: NM-VL
- Địa điểm quan trắc:
 - Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn- Môi trường tại xí nghiệp chế biến VLXD tận thu từ đá phi nguyên liệu xi măng mỏ đá Hồng Sơn;
 - Vị trí quan trắc: Tại Rón Tiên phía Đông Nam dự án (nơi tiếp nhận nước thải);
 - Tọa độ: X:2270839 Y:590743
- Ngày lấy mẫu: 14/9/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/ Dải đo	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2)
1	pH ^(f)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,70	6,0 - 8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(f)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 + 16	8,0	≥ 5,0
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	6	12	≤ 15
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	3	6,85	≤ 6
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	15	50	≤ 100
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	0,09	0,163	-
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,009	1,49	-
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017	0,006	0,456	-
9	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,024	0,055	-
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,9	<0,9	-
11	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B&E:2017	2	2.200	≤ 5.000

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Người lập

Doãn Thị Quỳnh Lhi

Soát xét

Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

- Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
 - SMEWW: Standard Methods for Examination of Water and Wastewater;
 - TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2: Mức phân loại chất lượng nước- Mức B);
 - Dấu (*): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Phòng giải pháp công nghệ cải thiện môi trường - Viện Công nghệ môi trường thuộc (Vicerts 079), các kết quả sử dụng nhà thầu phụ trả theo giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL);
 - Dấu (f): Thông số đo ngoài hiện trường;
 - Dấu (-): Không quy định.
- Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.